

# NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE SINH SẢN VỊ THÀNH NIÊN Ở CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Phí Đình Khương<sup>+</sup>,  
Khoàng Tuấn Việt

Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên  
<sup>+</sup>Tác giả liên hệ • Email: [khuongpd@tnus.edu.vn](mailto:khuongpd@tnus.edu.vn)

## Article history

Received: 15/02/2023

Accepted: 10/4/2023

Published: 05/6/2023

## Keywords

Managing educational activities, education on reproductive health, adolescent reproductive health, semi-boarding for ethnic minorities

## ABSTRACT

Semi-boarding secondary schools for ethnic minorities in Muong Cha district, Dien Bien province is a type of specialized school in remote, isolated and extremely disadvantaged areas of Dien Bien province given the uneven educational levels in the area and the limited care and attention to education as well as the local students. The article analyzes and evaluates the current situation of adolescent reproductive health education management in semi-boarding junior high schools for ethnic minorities in Muong Cha district, Dien Bien province. The teachers are aware of the role and necessity of adolescent reproductive health education activities for students, yet have not applied appropriate and effective educational methods and have not been equipped with necessary skills and knowledge on a regular basis. The results of the study contribute to the systematization of theoretical issues, clarifying the theoretical basis for the management of adolescent reproductive health education activities in semi-boarding secondary schools for ethnic minorities in Muong Cha district, Dien Bien province, and improving the quality of education in ethnic minority semi-boarding secondary schools in Muong Cha district, meeting the current requirements of the general education renovation.

## 1. Mở đầu

Thời kì vị thành niên (VTN) (nhóm tuổi từ 10-19 tuổi) là một giai đoạn đặc biệt với sự thay đổi biến động về thể chất, tâm sinh lí (Gubhaju, 2002). Sức khỏe sinh sản (SKSS) có ý nghĩa rất quan trọng trong chăm sóc sức khỏe vì có thể có những tác động tích cực hoặc tiêu cực tới sức khỏe giai đoạn trưởng thành. Chăm sóc SKSS bao gồm cả các vấn đề về SKSS, sức khỏe tâm thần, trang bị kĩ năng tự bảo vệ và các vấn đề xã hội và ý thức khác (Lê Minh Thi & Ngô Anh Vinh, 2023). Trong đó, hoạt động giáo dục SKSS tại các trường phổ thông dân tộc bán trú đang được đặc biệt quan tâm.

Mặc dù, sau nhiều năm triển khai chương trình chăm sóc SKSS cho lứa tuổi VTN, song kết quả đạt được vẫn còn thấp. Theo báo cáo của Bộ Y tế và Hội Liên Hiệp Thanh niên Việt Nam, người trong độ tuổi SKSS chiếm 1/4 tổng dân số, 50% trong số này chưa có kiến thức đầy đủ về sinh lí tuổi dậy thì và các hoạt động tình dục, mang thai. Nhiều thống kê cho thấy có sự gia tăng rõ rệt các vấn đề như mang thai sớm, mang thai ngoài ý muốn, nạo phá thai; các bệnh lây truyền qua đường tình dục, kể cả HIV/AIDS ở SKSS ở nhiều quốc gia trên thế giới và Việt Nam (Bộ GD-ĐT, 2017, 2018; Nguyễn Hữu Châu, 2005).

Các trường phổ thông dân tộc bán trú THCS huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên là một loại hình trường chuyên biệt nằm trong hệ thống trường phổ thông, đào tạo HS cấp THCS, đây là các trường thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh Điện Biên, trình độ dân trí ở địa bàn không đồng đều. Cuộc sống của đa số người dân chủ yếu làm lao động tự do nên đời sống kinh tế chưa cao, vì vậy việc chăm lo, quan tâm đến công tác giáo dục cũng như chăm sóc SKSS cho con, em vẫn còn hạn chế, chưa sâu sát. Do đó, HS các trường phổ thông dân tộc bán trú THCS huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên cần được quan tâm nhiều hơn về mặt chăm sóc giáo dục SKSS.

Việc nghiên cứu về lứa tuổi VTN và tìm hiểu các yếu tố liên quan của đối tượng này sẽ là một bằng chứng khoa học quan trọng, làm cơ sở cho việc hoạch định các chính sách, chương trình liên quan đến chăm sóc SKSS trong độ tuổi VTN ở địa bàn các trường phổ thông dân tộc bán trú THCS huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung. Bài báo khảo sát và phân tích thực trạng quản lý hoạt động giáo dục SKSS ở các trường phổ

thông dân tộc bán trú THCS huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên làm cơ sở đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng quản lý hoạt động này tại các trường phổ thông dân tộc bán trú THCS trong các nghiên cứu tiếp theo.

## **2. Kết quả nghiên cứu**

### **2.1. Khái niệm về quản lý hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên**

SKSS là sự thể hiện các trạng thái về thể chất, tinh thần, xã hội liên quan đến hoạt động và chức năng sinh sản của mỗi người, nó bao gồm các vấn đề kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe phụ nữ, phòng tránh phá thai và phá thai an toàn, tình dục và phòng ngừa các bệnh lây truyền qua đường tình dục (Võ Thị Kiều Mi và cộng sự, 2020). WHO (1997) định nghĩa SKSS là một trạng thái khỏe mạnh, hài hòa về thể chất, tinh thần và xã hội trong tất cả mọi khía cạnh liên quan đến hệ thống sinh sản, các chức năng và quá trình sinh sản chứ không phải chỉ là không có bệnh tật hay tổn thương hệ thống sinh sản.

Tuổi VTN là giai đoạn chuyển tiếp từ trẻ em thành người lớn và được đặc trưng bởi sự phát triển mạnh mẽ cả về thể chất lẫn tinh thần, tình cảm (UNFPA, 2009). Tuổi VTN là khoảng thời gian được đánh dấu bằng sự thay đổi: thay đổi về hormone và cơ thể, thay đổi về môi trường xã hội và thay đổi về não bộ, tâm trí (Blakemore, 2019). Do đó, VTN cũng là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất. Sự thiếu hiểu biết về chăm sóc SKSS của VTN như về tâm lý, sinh lý tuổi VTN, tình bạn, tình yêu, hôn nhân gia đình, về các biện pháp tránh thai, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản cũng như vấn đề kết hôn sớm, hoạt động tình dục sớm, không an toàn chính là nguy cơ đối với sức khỏe ở lứa tuổi VTN, đặc biệt đối với các VTN nữ (Cao Ngọc Thành và cộng sự, 2017).

Có thể hiểu, hoạt động giáo dục SKSS VTN là đưa toàn bộ hoạt động giáo dục SKSS vào kế hoạch. Việc lập kế hoạch là hoạt động nhằm xác lập các mục tiêu cần thiết, chỉ ra các hoạt động, những biện pháp cơ bản và những điều kiện cần thiết để thực hiện mục tiêu. Từ đó cho thấy, quản lý hoạt động giáo dục SKSS VTN là một quá trình tác động có tổ chức, có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý (hiệu trưởng) với khách thể quản lý (các lực lượng giáo dục, HS và quá trình giáo dục SKSS) nhằm đẩy mạnh hoạt động giáo dục SKSS VTN đạt hiệu quả cao nhất theo mục tiêu mà tổ chức đã đề ra.

Tại Việt Nam, vấn đề SKSS và giáo dục SKSS cho HS rất được quan tâm, Giáo dục SKSS cho HS được Bộ GD-ĐT và đưa vào chương trình giáo dục chính khóa bậc THCS trên cơ sở tích hợp nội dung của nhiều môn học như Giáo dục công dân, Sinh học, Hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống, Ngữ văn. Cũng nghiên cứu về giáo dục SKSS trong nhà trường, Nguyễn Hữu Châu và cộng sự (2005) đã thiết kế các module giáo dục SKSS cho HS thông qua các hoạt động ngoại khóa. Nguyễn Thế Hùng (2005) lại quan tâm tới vai trò của nhân tố gia đình, phụ huynh trong việc hình thành những hiểu biết về SKSS cho HS. Từ đó, tác giả đề xuất các hệ thống giải pháp nhằm bồi dưỡng năng lực giáo dục SKSS cho cha mẹ HS gồm: xây dựng và chuẩn hóa nội dung giáo dục SKSS VTN, tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục cộng đồng; bồi dưỡng kiến thức giáo dục VTN cho cha mẹ thông qua các sách chuyên đề giới tính, tình dục.

### **2.2. Khái quát về tổ chức khảo sát**

- *Nội dung khảo sát:* Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục SKSS VTN ở các trường phổ thông dân tộc bán trú THCS huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

- *Đối tượng khảo sát:* 21 CBQL, 171 GV và 70 HS tại 07 trường phổ thông dân tộc bán trú THCS, bao gồm: Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú THCS Ma Thị Hồ, Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú THCS Na Sang, Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú THCS Mường Mươn, Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú THCS Sa Lông, Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú THCS Huổi Lèng, Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú THCS Hừa Ngài, Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú THCS Huổi Mí.

- *Phương pháp khảo sát:* Nhóm tác giả sử dụng phương pháp thống kê toán học, bảng hỏi, phỏng vấn. Các tiêu chí đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục SKSS cho HS được đánh giá trên 3 mức độ được lượng hóa bằng điểm theo nguyên tắc 3-2-1. Cụ thể: Thực hiện tốt, đáp ứng tốt, ảnh hưởng nhiều: 3 điểm; Bình thường, ít ảnh hưởng: 2 điểm; Chưa tốt, chưa đáp ứng, không ảnh hưởng: 1 điểm. Thang đánh giá: Mức 1: Mức cao (tốt, đáp ứng tốt, ảnh hưởng nhiều): 2.34-3.0; Mức 2: Mức trung bình (thực hiện bình thường, ít ảnh hưởng): 1.67-2.34; Mức 3: Mức thấp (thực hiện chưa tốt, chưa đáp ứng, không ảnh hưởng): <1.67.

- *Thời gian khảo sát:* Năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023.

### **2.3. Kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên ở các trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên**

- *Lập kế hoạch giáo dục SKSS VTN cho HS (bảng 1):*

Bảng 1. Đánh giá về việc lập kế hoạch giáo dục SKSS VTN cho HS

Nội dung	Mức độ thực hiện						Trung bình
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Chưa thực hiện		
	SL	ĐTB	SL	ĐTB	SL	ĐTB	
Xây dựng kế hoạch giáo dục SKSS chung cho cả trường	18	45.0	19	47.5	3	7.5	2.38
Xây dựng kế hoạch giáo dục SKSS cho từng lớp	15	37.5	22	55.0	3	4.0	2.30
Xây dựng kế hoạch giáo dục SKSS cho HS được tích hợp, lồng ghép với nội dung học tập các môn văn hóa ngoài giờ lên lớp	13	32.5	22	55.0	5	12.5	2.20
Xây dựng kế hoạch giáo dục SKSS gắn với rèn luyện đạo đức, lối sống	16	40.0	22	55.0	2	4.0	2.35
Tập huấn cho GV xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục SKSS cho từng đơn vị lớp	12	30.0	25	62.5	3	7.5	2.23
<b>ĐTB</b>							<b>2.30</b>

Kết quả bảng 1 cho thấy, với 5 nội dung xây dựng kế hoạch HĐTĐN đưa ra khảo sát đều thu được ý kiến đánh giá ở mức trung bình (mức phân vân) là 2.30 điểm.

Nội dung “Xây dựng kế hoạch giáo dục SKSS chung cho cả trường” được GV đánh giá ở mức điểm tốt (2.38 điểm). Chúng tôi nghiên cứu kế hoạch giáo dục SKSS cho cả năm học ở các trường phổ thông dân tộc bán trú THCS huyện Mường Chà thì nhận thấy, trong bản kế hoạch đã nêu mục đích yêu cầu của hoạt động giáo dục SKSS, nhiệm vụ, nội dung, hình thức tổ chức, thời gian, địa điểm và dự trù kinh phí để thực hiện kế hoạch. Các nội dung còn lại được đánh giá ở mức trung bình dao động từ 2.20 đến 2.35 điểm. Nội dung “Xây dựng kế hoạch giáo dục SKSS cho HS được tích hợp, lồng ghép với nội dung học tập các môn văn hóa ngoài giờ lên lớp” được đánh giá thực hiện ở mức thấp nhất với 2.20 điểm. Điều này đòi hỏi xem xét lại chương trình giảng dạy hiện theo hướng tích hợp, lồng ghép giáo dục SKSS thông qua các môn học văn hóa liệu đã phù hợp và hiệu quả hay chưa. Nội dung “Tập huấn cho GV xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục SKSS cho từng đơn vị” cũng chỉ nhận được đánh giá ở mức điểm thấp 2.23 điểm. Tìm hiểu về nội dung này, chúng tôi nhận thấy GV chủ nhiệm là những người đảm nhiệm trực tiếp lập kế hoạch của từng lớp, báo cáo với lãnh đạo nhà trường. Để xây dựng được kế hoạch hoạt động giáo dục SKSS cho các lớp thì một yêu cầu đặt ra là GV phải được tập huấn các kỹ năng xây dựng động giáo dục SKSS. Trong thời gian vừa qua, Phòng GD-ĐT huyện Mường Chà tiến hành tổ chức các lớp tập huấn và được GV rất tích cực tham gia; tuy nhiên, do liên quan đến kinh phí tổ chức, các lớp tập huấn này diễn ra không thường xuyên, nội dung tập huấn chủ yếu nâng cao kiến thức cho GV về SKSS và giáo dục SKSS, chưa có lớp hướng dẫn GV về kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục SKSS cho HS hiệu quả.

Khi nghiên cứu bản kế hoạch của GV chủ nhiệm về lập kế hoạch tổ chức giáo dục SKSS cho từng khối lớp, hạn chế chung của các bản kế hoạch mà chúng tôi nhận thấy là một số nội dung của kế hoạch còn chưa đầy đủ, một số GV vừa làm vừa bổ sung kế hoạch cho sát với thực tiễn hoạt động giáo dục SKSS. Cá biệt, có trường hợp GV trong việc chuẩn bị kế hoạch cho học kì, năm học vẫn có hiện tượng sao chép lại kế hoạch giáo dục SKSS của năm học trước.

Như vậy, vấn đề đặt ra cần phải có biện pháp chỉ đạo bồi dưỡng GV về lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục SKSS, về kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục SKSS cho GV.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục SKSS VTN cho HS (bảng 2):

Kết quả bảng 2 cho thấy các nội dung tổ chức thực hiện được tiến hành ở mức trung bình với 2.27 điểm. Nội dung được tiến hành thường xuyên nhất là việc “Thành lập Ban chỉ đạo để chỉ đạo hoạt động giáo dục SKSS cho HS” với 2.43 điểm; nội dung “Tổ chức phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Đoàn và các lực lượng giáo dục khác tổ chức hoạt động giáo dục SKSS cho HS” cũng là hoạt động được tiến hành thường xuyên với 2.40 điểm. Đây là những thuận lợi nhất định để công tác giáo dục kiến thức SKSS được phổ biến rộng rãi trong HS, từ đó hình thành năng lực nhận thức cũng như làm chủ hành vi của HS.

Nội dung “tổ chức tọa đàm, giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm với các trường bạn” đóng vai trò quan trọng giúp cho nhà trường có thể học hỏi những kinh nghiệm hay trong quá trình tổ chức giáo dục SKSS cho HS, tuy nhiên đây lại là nội dung ít được thực hiện với 2.10 điểm. Bên cạnh đó, một số nội dung chưa được thực hiện chiếm tỉ trọng lớn. 22.5 % ý kiến GV cho rằng chưa thực hiện thường xuyên việc tổ chức bồi dưỡng cho các lực lượng tham gia tổ

chức hoạt động giáo dục SKSS cho HS. GV đảm nhận việc giảng dạy SKSS chủ yếu là hoạt động tự bồi dưỡng, tự học hỏi phương pháp cũng như cách thức giáo dục SKSS, các đợt tập huấn bồi dưỡng thường rất ít.

*Bảng 2. Đánh giá của GV về công tác tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục SKSS cho HS*

Nội dung	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Chưa thực hiện		Trung bình
	SL	ĐTB	SL	ĐTB	SL	ĐTB	
Thành lập Ban chỉ đạo để chỉ đạo hoạt động giáo dục SKSS cho HS	17	42.5	23	57.5	0	0.0	2.43
Tổ chức phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Đoàn và các lực lượng giáo dục khác tổ chức hoạt động giáo dục SKSS cho HS	18	45.0	20	50.0	2	5.0	2.40
Bố trí nhân sự, phân công trách nhiệm quản lí	16	40.0	20	50.0	4	10.0	2.30
Tổ chức bồi dưỡng cho các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động giáo dục SKSS cho HS	14	35.0	17	42.5	9	22.5	2.13
Tổ chức tọa đàm, giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm với các trường bạn	12	30.0	20	50.0	8	20.0	2.10
<b>ĐTB</b>							<b>2.27</b>

- Chỉ đạo giáo dục SKSS VTN cho HS (bảng 3):

*Bảng 3. Đánh giá của GV về công tác chỉ đạo giáo dục SKSS VTN cho HS*

Các tiêu chí	Mức độ thực hiện						Trung bình
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Chưa thực hiện		
	SL	%	SL	%	SL	%	
Chỉ đạo việc thực hiện mục tiêu giáo dục SKSS cho HS THCS	17	42.5	19	47.5	4	10.0	2.33
Chỉ đạo việc thực hiện nội dung giáo dục SKSS cho HS	14	35.0	20	50.0	6	15.0	2.20
Chỉ đạo GV đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục SKSS cho HS	16	40.0	22	55.0	2	5.0	2.35
Chỉ đạo công tác mua sắm, duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất, phục vụ cho giáo dục SKSS cho HS	13	32.5	19	47.5	8	20.0	2.13
Chỉ đạo việc phối hợp các lực lượng giáo dục trong hoạt động giáo dục SKSS cho HS	15	37.5	19	47.5	6	15.0	2.23
<b>ĐTB</b>							<b>2.25</b>

Bảng 3 cho thấy, công tác chỉ đạo giáo dục SKSS cho HS được đánh giá thực hiện ở mức trung bình với 2.25 điểm, tiên hành thường xuyên nhất là công tác chỉ đạo GV đổi mới phương pháp và hình thức giáo dục SKSS cho HS với 2.35 điểm. Ở tuổi SKSS, HS thường có cảm giác xấu hổ, ngại ngùng, đặc biệt là với những kiến thức khá nhạy cảm như giới tính, SKSS, tình dục. Vậy vấn đề đặt ra là làm thế nào để đưa kiến thức SKSS vào quá trình học tạo cho HS tiếp nhận một cách tích cực. Điều này rất cần sự thay đổi trong việc đổi mới phương pháp và cách thức giáo dục SKSS. Nội dung “Chỉ đạo công tác mua sắm, duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất, phục vụ cho hoạt động giáo dục cho HS” được đánh giá thực hiện ít thường xuyên nhất với 2.13 điểm, tình trạng thiếu về các phương tiện dạy học nói chung, phương tiện dạy học giáo dục SKSS nói riêng khá phổ biến. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên là kinh phí nhà trường khá hạn hẹp, công tác huy động các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động giáo dục SKSS cho HS còn yếu nên kết quả đạt được chưa được cao.

- Kiểm tra, đánh giá công tác giáo dục SKSS VTN cho HS (bảng 4):

*Bảng 4. Đánh giá của GV về kiểm tra, đánh giá công tác giáo dục SKSS VTN cho HS*

Các tiêu chí	Mức độ						Trung bình
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Chưa thực hiện		
	SL	%	SL	%	SL	%	
Xây dựng (xác định) các tiêu chí kiểm tra hoạt động giáo dục SKSS cho HS	12	30.0	18	45.0	10	25.0	2.05
Chỉ đạo lựa chọn các hình thức phương pháp kiểm tra phù hợp để đánh giá hoạt động giáo dục SKSS cho HS	17	42.5	16	40.0	7	17.5	2.25

Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch các hoạt động giáo dục SKSS cho HS có đảm bảo mục tiêu chương trình	19	47.5	16	40.0	5	12.5	2.35
Điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục SKSS cho HS (cả về hình thức, nội dung, phân bổ thời gian...) cho phù hợp với tâm - sinh lí HS THCS	18	45.0	18	45.0	4	10.0	2.35
Tổ chức thu nhập các thông tin cho việc đánh giá hoạt động giáo dục SKSS cho HS thông qua nhiều kênh thông tin	12	29.3	20	48.8	9	22.0	2.07
<b>ĐTB</b>							<b>2.21</b>

Tất cả 05 nội dung của công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục SKSS được đánh giá ở mức trung bình với 2.21 điểm. Mức độ thực hiện các nội dung kiểm tra hoạt động giáo dục SKSS cho HS không đồng đều. 02 tiêu chí được đánh giá thực hiện ở mức cao cùng đạt 2.35 điểm là nội dung “Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch các hoạt động giáo dục SKSS cho HS có đảm bảo mục tiêu chương trình” và “Điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục SKSS cho HS (cả về hình thức, nội dung, phân bổ thời gian...) phù hợp với tâm - sinh lí HS THCS”.

- Các yếu tố ảnh hưởng tới quản lí hoạt động giáo dục SKSS VTN cho HS (bảng 5):

Bảng 5. Đánh giá của GV về các yếu tố ảnh hưởng tới quản lí hoạt động giáo dục SKSS VTN cho HS

Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng						Trung bình	Thứ bậc
	Ảnh hưởng		Ảnh hưởng ít		Không ảnh hưởng			
	SL	%	SL	%	SL	%		
Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, sự bùng nổ của CNTT - truyền thông	14	35.0	20	50.0	6	15.0	2.20	5
Các chính sách của Đảng và Nhà nước về chăm sóc và giáo dục SKSS cho HS THCS	15	37.5	22	55.0	3	7.5	2.30	4
Ảnh hưởng của gia đình, xã hội, bạn bè đối với vấn đề giáo dục SKSS cho HS	18	45.0	19	47.5	3	7.5	2.38	3
Yếu tố tâm - sinh lí HS THCS	20	51.3	17	43.6	2	5.1	2.46	2
Nhận thức, trình độ, năng lực của đội ngũ CBQL, GV và các lực lượng tham gia giáo dục SKSS cho HS	21	53.8	16	41.0	2	5.1	2.49	1
<b>ĐTB</b>							<b>2.36</b>	

Bảng 5 cho thấy các yếu tố được đánh giá là có sự ảnh hưởng ở mức cao tới công tác quản lí hoạt động giáo dục SKSS cho HS với số điểm là 2.36 điểm. 3/5 yếu tố ảnh hưởng nhiều tới quản lí hoạt động giáo dục SKSS cho HS. Trong đó, yếu tố được cho là có sự ảnh hưởng nhiều nhất đến việc quản lí hoạt động giáo dục SKSS cho HS là yếu tố thuộc về nhận thức, trình độ, năng lực của đội ngũ CBQL và các lực lượng tham gia giáo dục SKSS cho HS với 2.49 điểm. Đề hoạt động giáo dục SKSS cho HS được diễn ra đạt hiệu quả cao thì cần đến vai trò quản lí của đội ngũ quản lí từ lập kế hoạch hoạt động đến việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động và cuối cùng là kiểm tra, đánh giá hoạt động. Ngoài ra, GV, gia đình, xã hội và cả bản thân HS là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp, nhiều nhất đến hoạt động quản lí giáo dục SKSS cho HS.

Yếu tố xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, sự bùng nổ của CNTT - truyền thông, được đánh giá ảnh hưởng ít nhất đến hoạt động quản lí giáo dục SKSS cho HS với 2.20 điểm. Trong bối cảnh khoa học kĩ thuật hiện đại, CNTT cung cấp cho HS một lượng kiến thức không nhỏ liên quan đến SKSS, tuy nhiên CNTT cũng là phương tiện để những quan điểm, lối sống thiếu lành mạnh đe dọa đến SKSS VTN. Do đó, việc trang bị cho HS những tri thức liên quan đến SKSS một cách có hệ thống tại nhà trường là hết sức cần thiết.

#### 2.4. Đánh giá chung về thực trạng quản lí hoạt động giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên tại các trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên

- Ưu điểm: CBQL, GV và lực lượng tham gia giáo dục SKSS cho HS ở các trường phổ thông dân tộc bán trú THCS huyện Mường Chà đã có nhận thức đúng về tầm quan trọng và sự cần thiết về phải giáo dục SKSS cho HS. GV các trường phổ thông dân tộc bán trú THCS huyện Mường Chà đã thực hiện các nội dung giáo dục SKSS một cách bài bản, đồng thời tìm cách thay đổi phương pháp và hình thức giáo dục để tăng hiệu quả của công tác giáo dục SKSS cho HS.

- Hạn chế: Phương pháp giảng dạy các kiến thức SKSS chưa được GV thực sự đầu tư nghiêm túc để đưa vào giảng dạy. Một số phương pháp như: thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai, giải quyết vấn đề... được sử dụng một cách

hạn chế. Trong quá trình triển khai các hoạt động quản lý giáo dục SKSS, công tác giao lưu tọa đàm, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm với các trường bạn chưa thường xuyên được thực hiện. Việc tổ chức bồi dưỡng cho các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động giáo dục SKSS cho HS chưa được quan tâm, GV chủ yếu tự bồi dưỡng, tự học hỏi phương pháp cũng như cách thức giáo dục SKSS, các đợt tập huấn bồi dưỡng thường rất ít. Trong công tác chỉ đạo tổ chức hoạt động trải nghiệm, việc chỉ đạo công tác mua sắm, bảo dưỡng cơ sở vật chất, phục vụ cho hoạt động trải nghiệm của HS chưa được chú trọng.

### 3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc quản lý hoạt động giáo dục SKSS cho HS đã được các nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục SKSS cho cả năm học, trong đó nêu mục đích yêu cầu của hoạt động giáo dục SKSS, nhiệm vụ, nội dung, hình thức tổ chức, thời gian, địa điểm và dự trù kinh phí để thực hiện kế hoạch. Với việc tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục SKSS cho HS tại các trường phổ thông dân tộc bán trú THCS huyện Mường Chà, CBQL đã chỉ đạo giao nhiệm vụ cho từng tổ, nhóm, GV; Chuẩn bị mọi nguồn lực để thực hiện; Phối hợp chặt chẽ giữa GV và các lực lượng khác; tuy nhiên, do áp lực chương trình chính khóa nặng nên thời gian dạy học chính khóa là chủ yếu, còn thời gian dành cho hoạt động giáo dục SKSS quá ít. Trong công tác tổ chức, chỉ đạo hoạt động còn nhiều hạn chế, lỏng lẻo. Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức giáo dục SKSS như cơ sở vật chất, phương tiện dạy học, trình độ nhận thức của CBQL và năng lực của GV ảnh hưởng đến việc quản lý hoạt động giáo dục SKSS cho HS. Điều này cho thấy cần thiết phải đề xuất và xây dựng hệ thống biện pháp để nâng cao chất lượng tổ chức giáo dục SKSS cho HS các trường phổ thông dân tộc bán trú THCS huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục phổ thông.

### Tài liệu tham khảo

- Blakemore, S. J. (2019). Adolescence and mental health. *The Lancet*, 393(10185), 2030-2031.
- Bộ GD-ĐT (2017). *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 về hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông*.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Cao Ngọc Thành, Nguyễn Vũ Quốc Huy, Đào Nguyễn Diệu Trang (2017). Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản ở nữ vị thành niên người dân tộc thiểu số, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Y dược, Trường Đại học Y dược Huế*, 7(4), 21-28.
- Gubhaju, B. B. (2002). Adolescent reproductive health in Asia. *Asia Pacific Population Journal*, 17(4), 97-119.
- Lê Minh Thi, Ngô Anh Vinh (2023). Một số thách thức trong triển khai chính sách chăm sóc sức khỏe vị thành niên: Nghiên cứu trường hợp tại Khoa Vị thành niên, Bệnh viện Nhi Trung ương. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 523, 167-171.
- Lê Thị Nhâm Tuyết (chủ biên, 2009). *Nâng cao nhận thức về quyền sức khỏe sinh sản - sức khỏe tình dục và chất lượng cuộc sống*. NXB Lao động - Xã hội.
- Nguyễn Hữu Châu (chủ biên) (2005). *Giáo dục dân số và sức khỏe sinh sản vị thành niên thông qua hoạt động ngoại khóa trong nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Thế Hùng (2005). *Biện pháp bồi dưỡng năng lực giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên đối với bậc cha mẹ*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Nguyễn Thị Bảo Hoa (2019). Một số định hướng thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở vùng dân tộc thiểu số theo Chương trình giáo dục phổ thông mới. *Tạp chí Dạy và Học ngày nay*, 1(10), 11-13.
- Phạm Thu Hà (2021). Thực trạng và một số giải pháp thực hiện nội dung giáo dục địa phương tại các trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Tạp chí Giáo dục*, 499, 49-53.
- Thủ tướng Chính phủ (2011). *Quyết định 2013/2011/QĐ-TTg ngày 14/11/2011 ban hành Chiến lược Dân số và Sức khỏe Sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020*.
- UNFPA (2009). *Adolescent sexual and reproductive health, toolkit for humanitarian settings*. <https://www.unfpa.org/publications/adolescent-sexual-and-reproductive-health-toolkit-humanitarian-settings>
- Võ Thị Kiều Mi, Đậu Thị Thanh Hằng, Trần Thanh Ngân, Nguyễn Bích Hạnh, Nguyễn Đình Tùng (2020). Kiến thức, thái độ và hành vi về sức khỏe sinh sản của sinh viên nữ khối Khoa học sức khỏe, Trường Đại học Duy Tân. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Duy Tân*, 3(40), 121-136.
- WHO (1997). *Inter-agency Field Manual on Reproductive Health in Humanitarian Settings*.